

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT
TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I-2012

HẢI PHÒNG , THÁNG 03 NĂM 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN			27.533.829.073	26.989.165.432
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.114.860.598	4.003.009.722
1. Tiền	111	V.01	2.114.860.598	2.003.009.722
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	14.368.000.000	13.468.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		14.368.000.000	13.468.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.005.803.411	7.224.779.312
1. Phải thu khách hàng	131		2.068.927.632	3.282.263.132
2. Trả trước cho người bán	132		3.159.718.877	3.133.674.505
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	777.156.902	808.841.675
IV. Hàng tồn kho	140		2.885.763.567	2.111.260.652
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2.885.763.567	2.111.260.652
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		159.401.497	182.115.746
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.350.000	3.476.545
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95.051.497	178.639.201
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.292.865.688	9.623.876.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		9.256.779.258	9.573.671.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.011.576.531	9.346.398.624
- Nguyên giá	222		18.807.029.223	18.807.029.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.795.452.692)	(9.460.630.599)
4. Chi phí XDCCB dở dang	230		245.202.727	227.272.727
III. Bất động sản đầu tư	240	V12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		36.086.430	50.205.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	36.086.430	50.205.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.826.694.761	36.613.042.328

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.981.429.723	22.650.014.871
I. Nợ ngắn hạn	310		21.329.407.860	21.428.445.252
2. Phải trả cho người bán	312		538.529.607	433.858.070
3. Người mua trả tiền trước	313		18.307.314.568	18.788.414.568
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	229.371.044	226.947.183
5. Phải trả người lao động	315			0
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.150.642.549	812.160.731
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.215.535.219	1.277.849.827
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(111.985.127)	(110.785.127)
II. Nợ dài hạn	330		1.652.021.863	1.221.569.619
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.652.021.863	1.221.569.619
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.845.265.038	13.963.027.457
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	13.845.265.038	13.963.027.457
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.820.000.000	10.820.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.705.242.440	2.705.242.440
4. Cổ phiếu quỹ	414		(511.027.880)	(391.027.880)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		54.755.669	54.755.669
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		281.527.658	281.527.658
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		494.767.151	492.529.570
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.826.694.761	36.613.042.328

Hải Phòng, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2012 VND	Năm 2011 VND	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.442.833.846	854.486.780	1.442.833.846	854.486.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.442.833.846	854.486.780	1.442.833.846	854.486.780
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.061.938.858	456.508.041	1.061.938.858	456.508.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		380.894.988	397.978.739	380.894.988	397.978.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	38.660.224	30.646.833	38.660.224	30.646.833
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	0		0	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>						
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		416.732.770	287.144.497	416.732.770	287.144.497
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.822.442	141.481.075	2.822.442	141.481.075
11. Thu nhập khác	31			861.111	0	
12. Chi phí khác	32			0		0
13. Lợi nhuận khác	40		0	861.111	0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.822.442	142.342.186	2.822.442	142.342.186
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	705.611	35.585.547	705.611	35.585.547
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.116.831	106.756.639	2.116.831	106.756.639
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2	99	2	99

Hải Phòng, ngày 05 tháng 4 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2012

TT	Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	31/03/2012 VND	31/03/2011 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.019.732.646	2.770.865.333
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(1.380.723.655)	(2.161.403.600)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(229.120.500)	(166.194.116)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		
5	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(196.647.517)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	47.571.167	20.461.250
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.264.269.006)	(754.468.875)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	193.190.652	(487.387.525)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xd TSCĐ và các TSDH khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		
7	Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.660.224	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	38.660.224	0
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	(120.000.000)	(130.000.000)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(120.000.000)	(130.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	111.850.876	(617.387.525)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.003.009.722	1.403.351.728
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.114.860.598	785.964.203

Hải Phòng, ngày 05 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 03/12/2009.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **10.820.000.000** đồng (Mười tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 9,02% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông: 9.843.680.000 đồng (Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 90,98% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm 2012, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng. Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí.

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (Đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của công ty khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá.

Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng được xác định căn cứ trên hóa đơn GTGT và phân bổ cho từng tháng theo hợp đồng cho thuê đã ký.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, kế toán lập hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu được ghi nhận theo giá bán chưa có thuế GTGT.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành 25%.

Trong năm 2011, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân .

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	558.687.241	295.423.337
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.556.173.357	1.707.586.385
Cộng	2.114.860.598	2.003.009.722

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Maritime bank	900.000.000	0
- Tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại BIDV	2.000.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 5 tháng tại BIDV	2.000.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại BIDV	2.000.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng tại BIDV	7.468.000.000	7.468.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cộng	14.468.000.000	13.468.000.000
-------------	-----------------------	-----------------------

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Nguyễn Minh Thủy- XD BV đa khoa Hưng Hà TB	156.537.449	0
Lãi tiền gửi ngân hàng	82.767.778	270.690.000
Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng (Chi phí hoạt động nhà máy gạch) (*)	538.151.675	538.151.675
Cộng	777.156.902	808.841.675

(*) Đây là khoản chi phí liên quan dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch siêu nhẹ tại Cụm công nghiệp Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng mà Công ty cam kết đầu tư với số vốn góp là **6.000.000.000 đồng** chiếm **40%** vốn điều lệ (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042953 ngày 21/12/2009 của Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng). Chi phí này sẽ được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng khi Nhà máy đi vào hoạt động.

4. Hàng tồn kho

	31/03/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.885.763.567	2.111.260.652
Cộng	2.885.763.567	2.111.260.652

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị: đồng.
					Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2012	15.253.486.440	2.327.353.660	1.097.168.992	129.020.131	18.807.029.223
- Thanh lý, nhượng bán					
Tại 31/03/2012	15.253.486.440	2.327.353.660	1.097.168.992	129.020.131	18.807.029.223
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2012	6.940.631.003	1.434.806.047	956.173.418	129.020.131	9.460.630.599
- Khấu hao trong kỳ	253.278.219	56.164.669	25.379.205	0	
- Thanh lý, nhượng bán					
Tại 31/03/2012	7.193.909.222	1.490.970.716	981.552.623	129.020.131	9.795.452.692
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	8.312.855.437	892.547.613	140.995.574	0	9.346.398.624
Tại 31/03/2012	8.059.577.218	836.382.944	115.616.369	0	9.011.576.531

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Trang trí nội thất nhà văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty	245.202.727	227.272.727
Cộng	245.202.727	227.272.727

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.911.930	6.639.545
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	31.174.500	43.566.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cộng	36.086.430	50.205.545
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.234.044	136.488.183
Thuế thu nhập cá nhân	1.678.000	0
Tiền thuê đất	90.459.000	90.459.000
Cộng	229.371.044	226.947.183
17. Chi phí phải trả	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Trích trước chi phí cho các công trình		
- Công trình nhà máy thép Cửa Long	123.144.710	123.144.710
- Công trình Trung Tâm Hội chợ triển lãm	338.481.818	0
- Công trình Tân liên giai đoạn 2	0	0
- Công trình Tân liên giai đoạn 2a	689.016.021	689.016.021
Cộng	1.150.642.549	812.160.731
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Phải trả, phải nộp ngắn hạn	1.215.535.219	1.277.849.827
Cộng	1.215.535.219	1.277.849.827

22. Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: đồng.

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2012	10.820.000.000	2.705.242.440	(391.027.880)	54.755.669	281.527.658	492.529.570	13.963.027.457
Lãi trong năm	0	0	0	0	0	2.237.581	2.237.581
Giảm	0	0	(120.000.000)	0	0	0	(120.000.000)
Số dư 31/3/2012	10.820.000.000	2.705.242.440	(511.027.880)	54.755.669	281.527.658	494.767.151	13.845.265.038

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Vốn góp của nhà nước	976.320.000	976.320.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.843.680.000	9.843.680.000
Cộng	10.820.000.000	10.820.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

+ Vốn góp đầu năm	10.082.000.000	10.082.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	10.082.000.000	10.082.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (*)	0	518.350.000

đ. Cổ phiếu

	31/03/2012 (cổ phiếu)	01/01/2012 (cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.082.000	1.082.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	55.400	45.300
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.400	45.300
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.026.600	1.036.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.026.600	1.036.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	54.755.669	54.755.669
Quỹ dự phòng tài chính	281.527.658	281.527.658
Cộng	336.283.327	336.283.327

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	31/03/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Doanh thu hợp đồng xây dựng	772.101.891	1.337.565.585
Doanh thu cung cấp dịch vụ	670.731.955	2.535.760.650
Cộng	1.442.833.846	3.873.326.235

28. Giá vốn hàng bán

	31/03/2012 Đồng	01/01/2012 Đồng
Giá vốn hoạt động xây dựng	765.264.818	1.014.834.737
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	296.513.040	1.404.818.113
Cộng	1.061.777.858	2.419.652.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng	38.258.333	335.368.553
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	33.691
Cộng	38.258.333	335.402.244

30. Chi phí tài chính

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Chi phí lãi vay	0	13.333.333
Cộng	0	13.333.333

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.583.442	136.488.184
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.583.442	136.488.184

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/03/2012	01/01/2012
	Đồng	Đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.937.581	496.942.761
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.937.581	496.942.761
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.051.983	1.051.983
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2	472,39

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2012 mà chưa được trình bày tại Báo cáo này.

6. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Huyền

Đỗ Thị Bích Phượng